

Bản án số: 780/2022/HS-PT

Ngày: 20/10/2022.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Văn Hạnh;

Ông Mai Anh Tài.

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Trang,
Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Quang H, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 457/2021/TLPT-HS ngày 24 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Trung P và các bị cáo khác phạm tội “Giết người”, “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”, “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” và “Gây rối trật tự công cộng” do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2022/HS-ST ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Trung P; sinh ngày 20 tháng 3 năm 1998, tại Quảng Ninh; nơi cư trú: thôn Đ, xã D, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Lê Thị M (đã chết); có vợ là Dương Thị V và có 01 con; tiền sự: không; Tiền án: Bản án số 12/2017/HSST ngày 26/9/2017, Tòa án nhân dân huyện Đàm Hà, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 18 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 36 tháng về tội: “Cố ý gây thương tích”, bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 26/6/2020. Bị cáo đầu thú ngày 20/5/2021, hiện tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Q, có mặt.

2. Hoàng Việt T; sinh ngày 19 tháng 01 năm 1997, tại Quảng Ninh; nơi cư trú: thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Thanh M1 và bà Đặng Hồng G; có vợ là Hoàng Thị A và có 01 con; tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: ngày 27/11/2013, Tòa án nhân dân huyện Đàm Hà, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 06 năm tù về tội: “Cướp tài sản”; ngày 18/01/2018, Tòa án nhân dân huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 12 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo đầu thú ngày 19/5/2021, hiện tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Q, có mặt.

3. Nguyễn Anh T1 (*tên gọi khác: không*); sinh ngày 05 tháng 9 năm 2002, tại Bắc Giang; nơi cư trú: Thôn D, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Vũ Thị L1; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị cáo đầu thú ngày 19/5/2021. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt 15 tháng tù theo quyết định của bản án sơ thẩm. Vắng mặt.

- Ngoài ra còn có 11 bị cáo không có kháng cáo, kháng nghị.

- *Người bào chữa cho bị cáo* Nguyễn Trung P: Luật sư Đào Bá Y - Văn phòng L4 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo* Hoàng Việt T: Luật sư Đặng Quốc A1 - Văn phòng L5 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Trung P, Lê Ngọc C, Hoàng Văn Đ1, Nguyễn Văn P1, Chu Văn H1 là nhân viên quán K thuộc phố C, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh (gọi tắt là quán K). Trong đó: C là quản lý, P là bảo vệ, còn lại là nhân viên tại quán. Khoảng 21 giờ ngày 18/5/2021, P cùng Phạm Thanh Q (bạn P), C, Đ1, P1 và H1 uống bia tại quán K. Sau khi uống bia xong, P nảy sinh ý định sử dụng ma túy nên bảo P1 hỏi mua hộ 02 gam Ketamine. Do trước đó, P1 đã mua ma túy của Lê Minh C1 sử dụng nên P1 gọi điện cho C1 để P thỏa thuận với C1 mua 02 gam Ketamine và bảo C1 mang đến quán K, C1 đồng ý. Lúc này, C1 đang ở nhà bạn gái là chị Đặng Thị T2, sinh năm 2002, ở thôn T, xã T, huyện Đ. Sau khi thỏa thuận, C1 gọi xe taxi (không xác định được biển kiểm soát) mang ma túy đến cửa quán K, thì gọi điện thoại cho P ra lấy. P ra lấy ma túy nhưng chỉ trả cho C1 số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), rồi bỏ đi vào trong quán. Do bức tức việc P không trả đủ tiền nên ngay sau đó C1 gọi điện cho P đòi tiền nhưng P nói không trả, dẫn đến cả hai thách thức hẹn ra khu vực ngã ba lồi đi vào trường THPT huyện Đ “nói chuyện”. Đến khoảng 0h ngày 19/5/2021, C1 rủ Đặng Thanh T3 (em trai T2) đi cùng, T3 cầm theo 01 kiếm, C1 cầm theo một súng nhựa và kim loại. P bảo Q, Đ1, H1 và Nguyễn Hoàng L2 (nhân viên quán K) đi xe mô tô và xe ô tô của Q đến chỗ hẹn. Khi thấy nhóm P đến, C1 nói “Đ.m mày trả tiền cho bố”, P nói “Đến đây mà lấy”, rồi P soi đèn pin về phía C1, thấy nhóm P đông người nên C1 và T3 lên xe taxi bỏ đi.

Một lúc sau, C1 lại gọi điện cho P, hai bên tiếp tục thách thức đánh nhau, P gọi điện thoại cho bạn là Hoàng Đức N bảo gọi thêm người đến giúp P đánh nhau. N đồng ý, gọi thêm Hoàng Việt T, Nguyễn Gia P2, Chiu A (D) và bảo S gọi thêm T4 (không xác định được nhân thân lai lịch) cùng đến quán K. Tại đây, P kể lại việc mâu thuẫn với C1 về việc mua ma túy không trả tiền, P rủ cả nhóm đi tìm C1 đánh. Sau đó, P, H1 và S đi xe taxi dẫn đường. T, P2, Đ1 và L2 đi xe ô tô của Q, còn N điều khiển xe mô tô chở T4. Nhóm P đi đến nhà chị T2 tìm đánh C1 nhưng không thấy nên cả nhóm quay về quán K.

Khi quay về đến quán, P tiếp tục kể lại cho cả nhóm việc mâu thuẫn với C1 rồi gọi điện thoại, nhắn tin thách thức C1 đến quán Ninh M2 đánh nhau, C1

đồng ý. Sau đó, P bảo mọi người chuẩn bị “đồ” (tức hung khí) và bảo C ra khu phía sau bếp ăn lấy bao đựng súng bắn đạn ghém của bạn P gửi trước đó. C đi ra phía sau lấy một bao dứa, bên trong có 01 khẩu súng bắn đạn ghém và một thanh kiếm mang vào, C lấy súng đạn ghém trong bao dứa đưa cho N, kiếm đưa cho P. Phúc kiểm tra súng bắn đạn ghém, thấy có 01 viên đạn thì để súng lên bao dứa và cầm một khẩu súng ngắn côn xoay màu bạc. Sau đó, P cầm kiếm và bảo T, S, T4 và L2 đi ra bên ngoài quán rình đánh nhóm C1, còn P1 đưa cho T một khẩu súng bắn diêm. Trước khi ra ngoài, P bảo C tắt điện, rút điện hệ thống camera để nếu có đánh nhau tránh bị phát hiện. P1 ở trong quán mang khẩu súng bắn đạn ghém ra phía sau quán cất giấu.

Sau khi P hẹn đến quán N1 M2 đánh nhau, C1 gọi điện cho Lê Văn Đ2, Nguyễn Anh T1, Nguyễn Quốc V1, Hoàng Văn T5, Trần Văn L3 (sinh ngày 07/7/2006) cùng trú tại huyện H và Vũ Văn V2, sinh năm 2004, trú tại thôn A, xã Q, huyện H, chuẩn bị hung khí lên Đ đánh nhau. Sau khi C1 gọi, Đ2 rủ thêm Hoàng Văn H2 (cùng trú tại H). Sau đó, cả nhóm tập trung tại nhà Đ2 chuẩn bị 01 tuýp sắt đầu bằng, 01 tuýp sắt đầu gắn dao bầu nhọn, 01 tuýp sắt đầu gắn lưỡi lê và 02 két vỏ chai bia S. Sau khi chuẩn bị hung khí xong, cả nhóm thuê xe taxi biển kiểm soát 14A - 246.79 của anh Lài Văn T6 chở V1, H2, T5, V2 và 02 vỏ két bia, còn Đ2 điều khiển xe mô tô chở T1 và L3 cầm 03 tuýp sắt. Khi đến huyện Đ, xe taxi chở nhóm V1 đến khu vực nhà chị T2 để đón C1, khi lên xe C1 đưa khẩu súng nhựa và kim loại cho V2 cầm. Sau đó, nhóm C1 đi đến phía trước cửa quán K đứng chờ thách thức nhóm P ra đánh nhau. Lúc này, cửa quán K đóng, nhóm P đang rình bên ngoài phía trước quán K và đứng phía trên tầng nhưng do nhóm C1 đông nên không ra đánh nhau. Thấy nhóm P không ra, V1 gọi điện nhờ Trần Văn C2, sinh năm 1990, trú tại thị trấn Đ, huyện Đ ra gọi nhóm P nói chuyện. Trần Văn C2 đến gọi nhóm P nhưng không ai ra nên nhóm Lê Minh C1 bỏ về.

Sau khi nhóm C1 đi về, P, T, S, T4 và L2 vào trong quán K bật điện, hệ thống camera lên và nói chuyện. Lúc này tại quán có P, T, N, P2, Đ1, S, T4, H1, C, L2 và P1. Còn Q đã đi về, P lại gọi điện thách thức C1 quay lại quán K đánh nhau, C1 đồng ý và bảo cả nhóm quay lại. Ngay sau đó, P bảo C lại tắt điện, rút điện hệ thống camera để tránh bị phát hiện, rồi P cùng T, N, H1, P2, Đ1, S, T4 ra ngoài chuẩn bị gậy, gạch, đá để đánh nhau. Sau khi chuẩn bị xong, P, N, H1 mỗi người cầm một gậy gỗ đi xuống đường để đánh nhau, còn T, P2, Đ1, S, T4 đứng ở trước cửa quán K chờ. Khoảng 03h55' ngày 19/5/2021, nhóm C1 quay lại, khi cách quán K khoảng 200m thì cả nhóm xuống xe đi bộ. V2, Đ2, H2 mỗi người cầm một tuýp sắt đi trước, T1 và Lương bê hai vỏ két bia đi sau, khi gần quán K thì gặp P, N, H1 đang cầm gậy đi về hướng nhóm C1.

Khi hai nhóm còn cách nhau khoảng 20m, thì C1, V1, Đ2, T1, T5, L3, H2 dùng vỏ chai bia ném về phía nhóm P; P, N và H1 lùi lại. P2, Đ1, H1 dùng gạch, đá ném về phía nhóm C1. Trong khi hai nhóm đang hò hét và dùng vỏ chai bia, gạch đá ném nhau, P hô “Vào lấy súng ra đây”. Nghe thấy tiếng P hô, C, P1 chạy vào phía sau quán lấy khẩu súng bắn đạn ghém mà lúc trước P1 cất phía sau quán, C lấy được súng trước cầm chạy ra đến khu vực bếp thì gặp N chạy vào. C đưa súng cho N, N kiểm tra súng và cầm ra gần đến cửa thì đưa súng cho

T. Cùng lúc này, V2 cầm tuýp sắt gắn dao bầu lao về nhóm P, T cũng vừa cầm súng chạy ra, cùng lúc V2 cầm tuýp sắt chạy lao về hướng T. Từ khoảng cách 5 - 7m, T giơ súng hướng về nhóm C1 và bóp cò, súng nổ làm V2 ngã ngực xuống đường, rơi khẩu súng nhựa và kim loại trước đó C1 đưa. Cùng lúc, P cầm gậy lao lên vụt V2 nhưng không trúng. Thấy V2 bị ngã, V1, T1 chạy lên kéo V2 về phía sau và nhặt khẩu súng nhựa và kim loại V2 làm rơi. Sau đó, T1, L3 và T5 đưa V2 đi cấp cứu tại Trung tâm y tế huyện Đ, Trung tâm y tế huyện T và bệnh viện Đa khoa tỉnh Q. Do bị thương nặng, V2 đã bị tử vong cùng ngày.

Sau khi T bắn V2 xong, súng bị gãy rời báng và nòng súng, T cầm súng vào đưa cho N. P nói “*Công an chuẩn bị đến đây, vút hung khi đi*”, N cầm khẩu súng bắn đạn ghém rồi cùng cả nhóm cầm súng ngăn côn xoay, đạn, kiếm vút ra khu đất trống phía sau quán Ninh M3 và cùng nhau bỏ trốn. Sau đó P, T, N, C, P2, P1, Đ1, C1, Đ2, H2, V1, T5, H1, T1 ra đầu thú. Cơ quan điều tra đã thu giữ các đồ vật sau: Thu của Lê Minh C1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel; của Lê Văn Đ2 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6; Đ2 giao nộp 01 tuýp sắt dài 2,3m hai đầu bằng, 01 tuýp sắt dài 02m có gắn lưỡi lê có chiều dài 0,5m, 01 tuýp sắt dài 1,8m, có gắn lưỡi dao bầu dài 18cm; thu giữ của Hoàng Văn T5 01 điện thoại di động Iphone 11; của Trần Văn L3 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, 01 khẩu súng gắn màu đen bằng nhựa và kim loại, có 01 băng tiếp đạn bằng nhựa màu đen, trong băng tiếp đạn không có đạn; của Nguyễn Gia P2 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus; của Chu Văn H1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone; của Hoàng Văn Đ1 01 điện thoại di động Nokia; của Nguyễn Văn P1 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus. Cơ quan điều tra còn thu giữ 23 mẫu nước tiểu của các đối tượng để giám định.

- Cơ quan điều tra khám xét khẩn cấp quán K đã phát hiện và thu giữ: Tại phòng nghỉ số 403: 01 ví giả da màu đen, kích thước (20x15)cm, bên trong có hộ chiếu và 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên H3 do Cục Q1 cấp, 01 túi nilon màu trắng kích thước (8x5)cm, bên trong có thực vật khô màu vàng; tại phòng nghỉ số 101: 40 túi nilon màu trắng, bên trong túi bám chất dạng bột màu trắng (03 túi kích thước 7,5 x 4cm, 37 túi kích thước (4x4)cm); tại quầy lễ tân 01 ổ cứng của hệ thống camera.

- Khám nghiệm hiện trường thể hiện: Hiện trường vụ án xảy ra phía trước quán K, thuộc đường N, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh. Đường trải nhựa áp phan rộng 07m, hai bên vỉa hè rộng 5,4m, phía Đông là hướng đi trường THCS thị trấn Đ, phía Tây là hướng đi quán lẩu nướng H, phía Nam là quán K (quán N), phía Bắc g là nhà nghỉ B. Quán K xây 04 tầng, phía trước có 02 cửa cuốn ra vào và có gắn 02 camera ghi hình. Trên mặt đường và vỉa hè hai bên đường có rải rác mảnh vỡ thủy tinh màu xanh (dạng vỏ chai bia), trung tâm mảnh vỡ sát mép đường phía Nam và cách cửa quán K 6,3m (về phía T). Từ trung tâm mảnh vỡ về hướng T 15,7m có một số viên gạch vỡ, nằm sát mép đường phía Nam. Trên vỉa hè phía Nam, cách bên trái cửa ra vào quán Km có 01 vỏ két bia Sài Gòn màu xanh, loại 20 chai. Trên vỉa hè phía Bắc có 01 gậy gỗ dài 98cm, đường kính 3,5cm, có vùng vết máu đỏ dạng nhỏ giọt nghi là máu rải rác trên vỉa hè trong diện (23,5 x 0,2)m, lùi dần từ hướng Đông về hướng Bắc. Thu giữ tại hiện trường 01 vỏ két bia S, 03 hòn đá, 03 gậy gỗ và 01 chiếc dép

chân bên phải màu đen. Tầng A, quán K có 01 phòng hát, bếp, phòng khách, quầy lễ tân, 01 phòng ngủ, cuối bếp có 01 cửa kim loại thông ra khoảng sân phía sau được rào kín, trên có mái tôn, có 01 cửa kim loại đẩy ra phía sau, trên cửa có then cài nhưng không khóa. Từ tầng 2 đến tầng 4 có các phòng hát, phòng mát xa, phòng nghỉ. Phía sau quán K là khoảng vườn, đất trống có cây cỏ rậm rạp. Tại đây, phát hiện thu giữ: 01 súng ngắn ổ quay dài 17cm, cao 9,5cm, đường kính trong nòng súng 0,6cm, trong ổ quay còn 03 viên đạn, 02 vỏ đạn, cỡ đạn (5,6 x 15,5)mm, đầu đạn đen xám; 01 ổ nòng; 01 băng liên thân súng; 01 nòng súng dài 51,5cm, đường kính ngoài đầu nòng súng là 2,4cm, đường kính đầu trong nòng súng là 1,8cm, đường kính ngoài cuối nòng súng là 2,8cm, đường kính trong cuối nòng súng là 0,2cm; 01 kiếm dài 78cm, bên ngoài có vỏ kiếm; 01 thanh kim loại hình trụ đường kính 3cm, dài 135cm, đầu được hàn dao dài 20cm; 01 viên đạn màu đỏ vàng, dài 6,5cm, đường kính 2,5cm. Mở rộng hiện trường đã thu giữ dữ liệu camera trước cửa nhà nghỉ B và quán L6.

- Khám nghiệm tử thi Vũ Văn V2 xác định: Đầu, mặt, cổ: không phát hiện tổn thương. Vùng khoang liên sườn 5 đường nách trước hai bên có vết mổ cấp cứu đường trắng giữa trên và dưới rốn dài 32cm, đã được xử lý khâu đóng thành bụng. Toàn bộ vùng ngực đến 1/3 giữa đùi phải có nhiều vết thương thủng da rải rác trong diện 70 x 28cm, tập trung nhiều ở vùng bụng, vết thương thủng da hình tròn, đường kính trung bình (0,25 - 0,3)cm, quanh miệng vết thương có tụ máu, điểm thấp nhất cách gót chân phải là 60cm, hướng từ trái sang phải, từ dưới lên trên; 1/3 dưới cẳng tay phải đến mu bàn tay phải có 05 vết thương thủng da.

Mổ ngực bụng: Tụ máu dưới ra vùng ngực khoang liên sườn hai bên, mặt sau xương ức; khoang mang phổi hai bên có máu không đông, xẹp; thùy giữa và dưới phổi phải có 07 vết thủng, hướng trước ra sau, đường kính 0,2cm, kiểm tra thùy phổi phải phát hiện 01 viên kim loại hình cầu đường kính 0,2cm; thủng bao tim vị trí mỏm tim, thu 01 viên kim loại hình cầu đường kính 0,2cm; gan có 24 vết thủng thấu gan đường kính 0,2cm, dạ dày có 25 vết thủng thấu dạ dày, các quai ruột có nhiều vết thủng, trong ổ bụng có khoảng 1.500ml máu không đông, 500gam máu cục. Trong ổ bụng có 7 viên kim loại hình cầu, đường kính 0,2cm. Thu giữ 08 viên kim loại hình cầu, dấu vết ở lỗ vào vết thương.

Kết luận giám định pháp y về tử thi số 924/KLGD ngày 26/5/2021 của Phòng K1 Công an tỉnh Q, kết luận: Nguyên nhân chết của Vũ Văn V2: Suy hô hấp, tuần hoàn cấp do đa vết thương đa cơ quan, nội tạng.

Kết luận giám định số 968/KLGD ngày 01/6/2021 của Phòng K1 Công an tỉnh Q, kết luận: Mẫu máu của tử thi Vũ Văn V2 gửi giám định có tìm thấy E (còn), nồng độ E là 46,51mg/100ml máu.

Kết luận giám định số 5289/C09 - P2 ngày 19/7/2021 của V3 Bộ C3, kết luận: Dấu vết ở các lỗ vết thương trên tử thi Vũ Văn V2 đều tìm thấy dấu vết thuốc súng.

Kết luận giám định số 948/KLGD ngày 30/5/2021 của Phòng K1 Công an tỉnh Q, kết luận: Chất ma túy, sản phẩm chuyển hoá của chất ma túy tìm thấy trong nước tiểu: Lê Ngọc C, Hoàng Văn Đ1, Chu Văn H1, Nguyễn Trung P,

Nguyễn Văn P1 có D1 (là sản phẩm chuyển hóa của Ketamine trong nước tiểu); mẫu nước tiểu của Hoàng Việt T có Methamphetamine.

Kết luận giám định số 959/KLGD ngày 31/5/2021 của Phòng K1 Công an tỉnh Q, kết luận: Các túi nilon thu giữ trong quá trình khám xét quán K: Gói thực vật khô màu nâu vàng gửi giám định có khối lượng 0,278g, yêu cầu giám định vượt quá khả năng chuyên môn; mẫu vật kí hiệu M2 gửi giám định là ma túy, loại MDMA, Ketamine, khối lượng dạng vết không xác định được; mẫu vật kí hiệu M3 gửi giám định là ma túy loại MDMA, khối lượng dạng vết không xác định được; mẫu vật kí hiệu từ M5 đến M40 gửi giám định là ma túy, loại Ketamin, khối lượng dạng vết không xác định được; Không tìm thấy ma túy trong mẫu vật kí hiệu M4, M41 gửi giám định.

Kết luận giám định số 5261/C09-TT2 ngày 30/6/2021 của V3 Bộ C3, kết luận: Không tìm thấy chất ma túy trong mẫu máu ghi thu của Vũ Văn V2 gửi giám định; không tìm thấy chất ma túy trong mẫu thực vật màu nâu vàng gửi giám định.

Kết luận giám định số 1062/KLGD ngày 12/6/2021 của Phòng K1 Công an tỉnh Q, kết luận: Trên 01 thanh kim loại hình trụ, các bộ phận của khẩu súng (01 nòng súng dài 51,5cm, 01 ốp lòng súng bằng gỗ, báng súng bằng gỗ liền thân súng kim loại); 01 khẩu súng ngắn, dạng côn quay dài 17cm. Trên các mẫu cần giám định có dấu vết tế bào người nhưng không phân tích được kiểu gen đủ yếu tố truy nguyên cá thể.

Kết luận giám định số 1083/KLGD ngày 15/6/2021 của Phòng K1 Công an tỉnh Q, kết luận: Nòng súng, ốp nòng súng, báng liền thân súng cần giám định ghép được thành một khẩu súng bắn dạng ghém cỡ 12 hoàn chỉnh, súng sử dụng để bắn được, thuộc vũ khí quân dụng; 01 khẩu súng có kích thước (17x9,5x2,8)cm cần giám định là súng tự chế kiểu ổ quay bắn đạn được, thuộc vũ khí quân dụng, không xác định được nơi sản xuất, trên súng không có số; 03 viên đạn bằng kim loại, hình trụ, có vỏ đạn màu vàng dài 15,5mm, đầu đạn màu đen xám đường kính 5,6mm cần giám định là đạn thể thao cỡ (5,6x15,5)mm, sử dụng được cho khẩu súng có kích thước (17x9,5x2,8)cm cần giám định. Các viên đạn sử dụng để bắn được; 01 viên đạn màu đỏ vàng, dài 6,5cm, đường kính thân 2cm cần giám định là đạn ghém cỡ 12, không phải vũ khí quân dụng, sử dụng được cho khẩu súng bắn đạn ghém cỡ 12 cần giám định, viên đạn sử dụng để bắn được; 02 vỏ đạn cần giám định là vỏ của loại đạn thể thao cỡ (5,6x15,5)mm và do khẩu súng ổ quay có kích thước 17x9x2,80cm cần giám định bắn ra.

Kết luận giám định số 1085/KLGD ngày 14/6/2021 của Phòng K1 Công an tỉnh Q kết luận: Không tìm thấy dấu vết đường vân trên các mẫu vật gồm: 01 khẩu súng ngắn dạng côn quay; 01 nòng súng; 01 ốp nòng súng bằng gỗ; 01 báng súng bằng gỗ và 01 viên đạn, 01 thanh kiếm kim loại và 01 thanh kim loại.

Kết luận giám định số 1310/KLGD ngày 16/7/2021 của Phòng K1 Công an tỉnh Q, kết luận: 08 viên kim loại gửi giám định cùng loại với các viên bi của một trong các loại đạn ghém. Các viên kim loại gửi giám định này không phải do khẩu súng tự chế ổ quay có kích thước (17x9,5x2,8)cm gửi giám định bắn ra, không cùng kích thước với các viên bi có trong viên đạn ghém cỡ 12 đã gửi

giám định, không cùng loại với đầu đạn của 03 viên đạn thể thao cỡ (5,6x15,5)mm đã gửi giám định.

Kết luận giám định số 1559/KLGĐ ngày 20/8/2021 của Phòng K1 Công an tỉnh Q, kết luận: Các thương tích thủng da hình tròn trên tử thi Vũ Văn V2 hình thành do các viên kim loại hình cầu đã thu được trong người tử thi Vũ Văn V2 tác động trực tiếp theo hướng từ trước về sau, từ trái sang phải, từ dưới lên trên; khẩu súng có kích thước (17x9x2,8)cm kiểu ổ quay bắn đạn cỡ 5,6mm thu giữ trong quá trình khám nghiệm hiện trường không thể gây ra được các thương tích giống các thương tích trên tử thi Vũ Văn V2; đạn thu giữ trong quá trình khám nghiệm hiện trường khi được sử dụng để bắn không thể gây ra được các thương tích giống các thương tích trên tử thi Vũ Văn V2; khẩu súng bắn đạn ghém cỡ 12 thu giữ trong quá trình khám nghiệm hiện trường nếu sử dụng đạn ghém cỡ 12 chứa các viên kim loại hình cầu đường kính 0,2cm có thể gây ra được các thương tích giống các thương tích trên tử thi Vũ Văn V2.

Kết luận giám định số 1721/KLGĐ ngày 10/9/2021 của Phòng K1 Công an tỉnh Q, kết luận: 01 khẩu súng cần giám định là súng bắn đạn bi cỡ nòng 6mm, không phải vũ khí quân dụng, còn sử dụng để bắn được. Không xác định được số súng và nơi sản xuất.

Kết luận giám định số 6042/C09-P6 ngày 26/10/2021 của V3 Bộ C3, kết luận: Không phát hiện dấu vết cắt ghép, xóa, chỉnh sửa nội dung trong các tệp video trong khoảng thời gian từ 23h ngày 18/5/2021 đến 04 giờ ngày 19/5/2021 lưu trữ trong ổ cứng đầu ghi camera gửi giám định. Trong khoảng thời gian từ 03 giờ đến 04 giờ ngày 19/5/2021 hình ảnh camera 2,6,7,8,16 chỉ ghi được nội dung hình ảnh trong các khoảng thời gian từ 03.00.00 đến 03.01.15; từ 03.33.01 đến 03.35.44; từ 03.54.50 đến 04.00.00.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường tổng số tiền 658.049.448đ (*Sáu trăm năm mươi tám triệu, không trăm bốn mươi chín nghìn, bốn trăm bốn mươi tám đồng*), trong đó: Chi phí điều trị, mai táng là 158.049.448đ, chi phí tổn thất tinh thần 500.000.000đ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2022/HS-ST ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Việt T phạm tội “Giết người”, và tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”. Bị cáo Nguyễn Trung P phạm tội “Giết người” và tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”;

1. Áp dụng điểm 1, n khoản 1 Điều 123 và khoản 1 Điều 304; điểm b (đối với tội giết người), s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Hoàng Việt T tù chung thân về tội “giết người” và 18 (mười tám) tháng tù về tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Hoàng Việt T phải chấp hành hình phạt chung là tù chung thân, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 19/5/2021.

2. Áp dụng điểm 1, n khoản 1 Điều 123 và khoản 1 Điều 304; điểm b (đối với tội giết người), s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 55; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trung P tù chung thân về tội “giết người” và 18 (mười tám) tháng tù về tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Trung P phải

chấp hành hình phạt chung là Tù chung thân, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 20/5/2021.

3. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Anh T1 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt 19/5/2021.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt với 11 bị cáo khác, quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/4/2022, các bị cáo Nguyễn Trung P, Hoàng Việt T, có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 27/4/2022, bị cáo Nguyễn Anh T1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 20/4/2022 bị cáo Lê Ngọc C có đơn kháng cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt. Ngày 09/5/2022 bị cáo Lê Ngọc C đã rút kháng cáo, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã ra Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm với bị cáo C.

- Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm, ngày 18/10/2022, bị cáo Nguyễn Anh T1 có đơn đề nghị rút toàn bộ nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo Nguyễn Trung P, Hoàng Việt T giữ nguyên nội dung kháng cáo, thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, đề nghị giảm nhẹ hình phạt xuống mức thấp nhất và không xuất trình được chứng cứ, tài liệu nào liên quan đến tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới.

- Bị cáo Nguyễn Anh T1 đã có đơn rút toàn bộ nội dung kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm và căn cứ kháng cáo của các bị cáo, kết luận: bị cáo Hoàng Việt T bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt về tội: “Giết người” và “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” theo quy định tại điểm l, n khoản 1 Điều 123 và khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Trung P bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt về tội: “Giết người” và “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” theo điểm l, n, khoản 1 Điều 123 và khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo Nguyễn Trung P, Hoàng Việt T; đình chỉ xét xử phúc thẩm với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Anh T1

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trung P có quan điểm: Về mức hình phạt đối với bị cáo của bản án sơ thẩm có phần nghiêm khắc, vụ án này bị cáo P không phải là người trực tiếp bắn bị hại, bị cáo không phải là người sử dụng súng, tại phiên tòa bị cáo ăn năn hối cải, đã bồi thường cho bị hại 100 triệu đồng. Sau khi phạm tội đã đến công an đầu thú, sau khi xét xử sơ thẩm gia đình bị cáo P lại tiếp tục bồi thường thêm 19.500.000 đồng, tuy việc bồi thường không có xác nhận của chính quyền địa phương, bị hại trong vụ án này cũng

không phải bình thường nên mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Việt T có quan điểm: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị cáo đã giúp đỡ cơ quan điều tra giải quyết nhanh vụ án nên mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Trung p, Hoàng Việt T và Nguyễn Anh T1 trong thời hạn, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự nên được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Các cơ quan và người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, các bị cáo và bị cáo có kháng cáo không có ý kiến khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định của Cơ quan và người tiến hành tố tụng.

[1.3] Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm, ngày 18/10/2022, bị cáo Nguyễn Anh T1 có đơn đề nghị rút toàn bộ nội dung kháng cáo và vắng mặt tại phiên tòa; mặt khác, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt 15 tháng tù theo quyết định bản án sơ thẩm. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 355; khoản 1 Điều 342; khoản 1 Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa để đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Nguyễn Anh T1.

[2] Về nội dung: Lời khai của bị cáo Hoàng Việt T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; lời khai của bị cáo Nguyễn Trung P tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm; lời khai của hai bị cáo Hoàng Việt T và Nguyễn Trung P tại phiên tòa còn phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa như: Lời khai của các bị cáo khác trong vụ án, lời khai của những người làm chứng, người liên quan; phù hợp khách quan với vật chứng được thu giữ, kết quả khám nghiệm hiện trường, kết quả giám định và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thấy đủ cơ sở để kết luận:

[2.1] Xuất phát từ mâu thuẫn trong việc mua bán trái phép chất ma túy giữa Nguyễn Trung P và Lê Minh C1 dẫn đến sự kiện đêm ngày 18/5/2021 rạng sáng ngày 19/5/2021 tại khu vực phía trước quán K, thuộc phố C, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh, Nguyễn Trung P và Lê Minh C1 đã thách thức đánh nhau. Nguyễn Trung P, Lê Ngọc C, Hoàng Việt T, Nguyễn Gia P2, Hoàng Đức N, Nguyễn Văn P1, Chu Văn H1, Hoàng Văn Đ1 nhân viên quán K có hành vi chuẩn bị súng bắn đạn ghém, súng ngắn còn xoay, gậy, gạch đá... để đánh nhau với nhóm Lê Minh C1. Lê Minh C1 có hành vi rủ Nguyễn Quốc V1, Hoàng Văn H2, Hoàng Văn T5, Lê Văn Đ2, Nguyễn Anh T1, Vũ Văn V2 chuẩn bị 03 tuýp sắt gắn đầu nhọn, 02 vỏ két bia đến quán K để đánh nhau.

[2.2] Khoảng 03h55' ngày 19/5/2021, cả hai nhóm dùng súng bắn đạn ghém, gạch, đá, gậy, tuýp sắt và vỏ chai bia, tham gia hò hét, đánh ném, bắn nhau. Trong khi hai nhóm đánh nhau P là người hô lấy súng bắn đạn ghém do P, C cất giấu ở quán trước đó, C và P1 chạy vào sau quán lấy súng bắn đạn ghém, C lấy được súng trước đưa cho N, rồi N đưa súng bắn đạn ghém cho T sử dụng bắn vào nhóm C1. Hậu quả làm Vũ Văn V2 bị thương nặng và tử vong.

[2.3] Hành vi nêu trên của hai bị cáo Hoàng Việt T, Nguyễn Trung P thể hiện tính côn đồ, hung khí gây án là súng bắn đạn ghém có tính sát thương diện rộng, có thể dẫn đến chết nhiều người, nhất là khi bắn về phía nhóm đông người. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án bị cáo Hoàng Việt T về các tội: “Giết người”, “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” theo quy định tại điểm l, n khoản 1 Điều 123 và khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự; kết án bị cáo về tội: “Giết người”, “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” theo điểm l, n, khoản 1 Điều 123 và khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.4] Điều 123 Bộ luật hình sự quy định.

1. Người nào giết người thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình:

l) Bằng phương pháp có khả năng làm chết nhiều người;

n) Có tính chất côn đồ;

Điều 304 Bộ luật hình sự quy định.

1. Người nào chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 07 năm.

[3] Xét kháng cáo của hai bị cáo Hoàng Việt T, Nguyễn Trung P đề nghị giảm nhẹ hình phạt:

[3.1] Hành vi của các bị cáo Nguyễn Trung P, Hoàng Việt T là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tính mạng của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, an toàn xã hội đồng thời còn xâm phạm đến chế độ quản lý vũ khí quân dụng của nhà nước.

[3.2] Nguyễn Trung P là người trực tiếp tàng trữ 02 khẩu súng loại vũ khí quân dụng; là người khởi xướng rủ rê các bị cáo còn lại để tham gia đánh nhau với nhóm của C1, là người chỉ đạo các bị cáo còn lại chuẩn bị công cụ phương tiện như súng, kiếm, gậy gỗ, gạch đá để chuẩn bị ẩu đả và cũng là người trực tiếp hô hào các bị cáo khác lấy súng ra để đánh nhau với nhóm C1; bị cáo phạm tội lần này khi chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tác động gia đình khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại số tiền 100.000.000 đồng; đã đầu thú. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự với cả hai tội; áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự với tội “Giết người” là đúng và đủ.

[3.3] Bị cáo Hoàng Việt T có nhân thân xấu đã hai lần bị xét xử về tội Cướp tài sản và Trộm cắp tài sản, là người trực tiếp sử dụng súng quân dụng bắn gây ra cái chết của bị hại; sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tác

động gia đình khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại số tiền 50.000.000 đồng; đã đầu thú đồng thời đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án để vận động Nguyễn Trung P và Hoàng Đức N ra đầu thú, được cơ quan điều tra ghi nhận tại Bản kết luận điều tra vụ án. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự với cả hai tội; áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự với tội “Giết người” là đúng và đủ.

[3.4] Với các đặc điểm về nhân thân, tính chất và hậu quả đặc biệt nghiêm trọng của vụ án, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của mỗi bị cáo như đã nêu, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng hình phạt tù chung thân về tội giết người đối với hai bị cáo Nguyễn Trung P và Hoàng Việt T đồng thời tổng hợp hình phạt với tội phạm độc lập mà mỗi bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự là phù hợp. Hình phạt đó không chỉ nhằm trừng trị riêng với bị cáo mà còn giáo dục họ ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa họ phạm tội mới, có tác dụng phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm. Do đó, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt của hai bị cáo, giữ nguyên quyết định về hình phạt tại bản án sơ thẩm là có căn cứ, chính xác nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm hình sự: Theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí ban hành kèm theo. Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Trung P và Hoàng Việt T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Nguyễn Anh T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 355; khoản 1 Điều 342; khoản 1 Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Nguyễn Anh T1. Quyết định về hình sự tại bản án hình sự sơ thẩm số 42/2022/HS-ST ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đối với bị cáo Nguyễn Anh T1 có hiệu lực thi hành kể từ ngày Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm (ngày 20/10/2022).

2. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt của 02 bị cáo Nguyễn Trung P và Hoàng Việt T. Giữ nguyên quyết định về hình sự tại bản án hình sự sơ thẩm số 42/2022/HS-ST ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đối với bị cáo Nguyễn Trung P và Hoàng Việt T như sau:

2.1 Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Việt T phạm tội “Giết người”, và tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”. Áp dụng điểm 1, n khoản 1 Điều 123 và khoản 1 Điều 304; điểm b, t (đối với tội giết người), s khoản 1, khoản 2 Điều 51 (với cả hai tội); Điều 55; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Việt T tù chung thân về tội “Giết người” và 18 (mười tám) tháng tù về tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Hoàng Việt T phải chấp hành hình phạt chung là tù chung thân, thời hạn tù tính từ ngày 19/5/2021.

2.2. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Trung P phạm tội “Giết người” và tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”. Áp dụng điểm 1, n khoản 1 Điều 123 và khoản 1 Điều 304; điểm b (đối với tội giết người), s khoản 1, khoản 2 Điều 51 (với cả hai tội); điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 55; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trung P tù chung thân về tội “Giết người” và 18 (mười tám) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Trung P phải chấp hành hình phạt chung là tù chung thân, thời hạn tù tính từ ngày 20/5/2021.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Hoàng Việt T và bị cáo Nguyễn Trung P mỗi bị cáo có nghĩa vụ phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng). Bị cáo Nguyễn Anh T1 không phải chịu án phí.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Các bị cáo Phúc, Trung (qua trại);
- Bị cáo Tài (qua đ/c);
- Lưu HSVA, VT, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Hải Thanh